

NGHIÊN CỨU HỘI CHỨNG “ZOMBIE HỌC ĐƯỜNG” Ở SINH VIÊN KHOA QUỐC TẾ HỌC, TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

RESEARCHING ON “ZOMBIE LEARNER” SYNDROME OF STUDENTS OF FACULTY OF INTERNATIONAL STUDIES, UNIVERSITY OF FOREIGN LANGUAGE STUDIES - THE UNIVERSITY OF DA NANG

Nguyễn Võ Huyền Dung, Trần Thị Nhân Duyên

Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng; nvhdung@ufl.udn.vn; tranthinhanduyen2000@gmail.com

Tóm tắt - Hiện nay, thuật ngữ “zombie” (hay còn gọi là xác sống) đang được sử dụng ngày càng nhiều với những biến thể khác nhau cho những mục đích, ý nghĩa khác nhau trên nhiều lĩnh vực trong đời sống... Một trong những biến thể đó là cụm từ “zombie học đường” để chỉ về một hội chứng đang phổ biến hiện nay ở sinh viên. Bài nghiên cứu trước hết trình bày và miêu tả thực trạng, biểu hiện của hội chứng “zombie học đường” ở sinh viên Khoa Quốc tế học, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng (Khoa QTH, ĐHNH - ĐHDN), sau đó phân tích các nguyên nhân và cuối cùng đề xuất các giải pháp thích hợp nhằm hạn chế hội chứng này, từ đây gián tiếp nâng cao sự tự nhận thức và ý thức trong vấn đề học tập của sinh viên Khoa QTH, ĐHNH - ĐHDN.

Từ khóa - xác sống giảng đường; hội chứng “zombie học đường”; sinh viên; Khoa Quốc tế học; Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng

Abstract - Recently, the term “zombie” (or living corpse) has been used more and more often with different variations for different purposes and meanings in many fields of life. One of those variations is the term “zombie learner” referring to a syndrome that is currently popular among students. This article first presents and describes the status, expressions of “zombie learner” syndrome among students of the Faculty of International Studies, University of Foreign Studies - The University of Danang (FIS, UFLS-UD), then analyzes the causes and finally proposes appropriate solutions to this syndrome, thereby indirectly raising the self-awareness and consciousness about learning issues of students of the FIS, UFLS-UD.

Key words - zombie learner; “zombie learner” syndrome; students; Faculty of International Studies; University of Foreign Language Studies - The University of Danang

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, sự ra đời khái niệm “zombie” với tần suất xuất hiện dày đặc đã tạo nên sự bùng nổ các biến thể trong cách sử dụng thuật ngữ này, nhằm chỉ những vấn đề mới đang nảy sinh mang tính xã hội hoặc các khía cạnh khác trong đời sống. Đặc biệt, trong lĩnh vực giáo dục, khái niệm “zombie learner” (tạm dịch “xác sống” giảng đường) hay “zombie universities” (tạm dịch: đại học “thây ma”) đã lần lượt được giới thiệu thông qua các bài nghiên cứu như “Zombie in the Academy” [1]; “Generation Z: Zombie, Popular Culture and Educating Youth” [2]. Hơn nữa, tình trạng thụ động của sinh viên không chỉ diễn ra duy nhất ở một tỉnh lẻ, một thành phố hay một quốc gia mà còn là tình hình chung của thực trạng giáo dục toàn cầu. Nhiệm vụ đặt ra là làm sao để giúp những người học trở nên chủ động và có khả năng chịu trách nhiệm cho việc tiếp thu, lĩnh hội kiến thức của chính mình - vốn là thách thức lớn đối với đa phần người học hiện nay. Dựa trên ý tưởng từ vấn đề của hội chứng “zombie công sở” thuộc lĩnh vực quản lý nhân sự, bài nghiên cứu này đã áp dụng phép ẩn dụ “zombie” để nghiên cứu vấn đề học tập của các sinh viên ở Khoa QTH, ĐHNH - ĐHDN và ý thức của họ trong môi trường giảng đường thông qua bảng khảo sát với 395 sinh viên Khoa QTH, ĐHNH - ĐHDN.

1.1. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp thu thập thông tin, thăm dò ý kiến;
- Phương pháp phân tích tổng hợp;
- Phương pháp phân loại;
- Phương pháp so sánh đối chiếu.

1.2. Câu hỏi nghiên cứu

- Hội chứng “zombie học đường” ở sinh viên Khoa

QTH, ĐHNH - ĐHDN diễn ra như thế nào?

- Nguyên nhân dẫn đến hội chứng này ở sinh viên Khoa QTH, ĐHNH - ĐHDN và giải pháp được đề xuất là gì?

1.3. Đối tượng khảo sát

Sinh viên Khoa Quốc tế học, Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm “zombie” và hội chứng “zombie học đường”

2.1.1. Thuật ngữ “zombie” và những biến thể

Từ những năm đầu thế kỷ thứ 19, thuật ngữ “zombie” được sử dụng khá rộng rãi và mang tính phổ biến đặc biệt (nhất là ở trong văn hóa dân gian Bắc Mỹ và Châu Âu). “zombie” (tạm dịch là “thây ma” hay “xác sống”) – miêu tả phần xác con người sau khi chết đi có thể cử động. Trong từ điển Cambridge online (2019), “zombie” còn có một định nghĩa khác là: “a person who has no energy, seems to act without thinking, and does not notice what is happening” (tạm dịch: một người không có năng lượng, dường như hành động mà không suy nghĩ gì cả và cũng không chú ý đến vấn đề gì đang diễn ra).

Ngày nay, nhiều khái niệm khác đã ra đời dựa trên khái niệm gốc của “zombie” nhưng mang nghĩa ẩn dụ, chẳng hạn như “zombie công sở” (dùng để chỉ những nhân viên không gắn kết, không nỗ lực nhưng cũng không chịu nghỉ việc, gây ảnh hưởng trầm trọng đến năng suất lao động và văn hóa của doanh nghiệp, dẫn đến tình trạng doanh nghiệp hoạt động kém hiệu quả) hay cụm từ “smombie” (tạm dịch: “thây ma điện thoại” - một người đi bộ mà thường dạo bước chậm chạp và không chú ý vào bối cảnh xung quanh bởi vì họ đang quá tập trung vào điện thoại thông minh của họ).

2.1.2. Thuật ngữ “zombie” trong lĩnh vực giáo dục và khái niệm hội chứng “zombie học đường”

Trong lĩnh vực giáo dục, khái niệm “zombie learner” (tạm dịch: “xác sống” giảng đường) cũng đang dần trở nên phổ biến. Barry Sampson, Giám đốc Công nghệ Học tập tại B&Q đã viết: “Đây là những năm tháng khi phù thủy, quỷ, ma cà rồng và xác sống đang hoành hành làm khiếp sợ khắp thế giới. Tuy nhiên, một điều đáng sợ hơn tất cả, đó là sự tương đồng giữa một xác sống rên rỉ, não tàn phế và đi lại vật vờ với một người làm việc không cảm thấy hứng thú và quá nhàn rỗi” [3]. Trong bài nghiên cứu “From Spoon Feeding to Self-Feeding: Helping Learners Take Control of Their Own Learning” (tạm dịch: Từ “được chăm bón” đến “tự chăm bón”: cách giúp người học làm chủ việc học của chính mình), Mohammed Al-Saadi đã một phần chỉ rõ những đặc điểm của những “xác sống học đường” như: “Có một vài bộ phận học sinh vắng học, không làm bài tập, tới lớp mà không chuẩn bị, chỉ hỏi và học khi có bài kiểm tra, hiếm khi học hỏi từ những lỗi sai của việc học, ...” [4]. Tuy nhiên, những biểu hiện được nêu trên không chỉ xuất hiện ở một vài bộ môn riêng biệt và ở từng cá nhân đơn lẻ; chính những sinh viên (người học) học một cách thành thoi, không có động lực, không nỗ lực cố gắng, đã dần dần biến mình thành những “zombie học đường”. Việc hình tượng hóa những người học vật vờ, không hiệu quả với hình ảnh zombie cho thấy đây là “căn bệnh” có xu hướng lây lan và có thể gia tăng. Vậy, hội chứng “zombie học đường” có thể được hiểu như là một thực trạng mà hình thức đáp ứng mang tính thụ động và mục đích chỉ để tồn tại hay sống sót của sinh viên trong môi trường giảng đường.

2.2. Thực trạng của hội chứng “zombie học đường” ở sinh viên Khoa QTH, trường ĐHNH - ĐHDN

2.2.1. Mức độ gắn kết/ yêu thích của sinh viên đối với ngành học thuộc Khoa QTH

Mức độ yêu thích của mỗi cá nhân đối với ngành học thuộc Khoa càng cao thì xác suất rơi vào trạng thái thờ ơ, chán nản với việc học càng thấp. Mức độ gắn kết giữa ngành học với sinh viên còn khá “loãng” đã ngầm báo hiệu thực trạng học tập như “xác sống vật vờ” của sinh viên. Có đến hơn một nửa (51%) trong tổng số 395 sinh viên tham gia điền thông tin vào phiếu khảo sát cảm thấy mức độ yêu thích ngành học ở mức trung bình. Tỷ lệ sinh viên cảm thấy cực kì gắn kết với ngành học là 10% trong khi tỉ lệ sinh viên hoàn toàn không yêu thích ngành học chỉ chiếm 5%. 18% sinh viên cho rằng mình yêu thích ngành học và 16% thấy hơi gắn kết với chuyên ngành mình lựa chọn.

Ngoài ra, sự khác biệt trong chuyên ngành học cũng sẽ dẫn tới mức độ yêu thích ở sinh viên khác nhau. So sánh hai ngành Đông Phương học và Quốc tế học của Khoa, xét về nội dung các học phần chuyên ngành vốn đã có sự khác biệt khá rõ (Đông Phương học thiên về văn hóa, xã hội các nước châu Á; Quốc tế học lại tập trung về quan hệ quốc tế, chính trị, ngoại giao), vì vậy mức độ gắn kết của sinh viên với hai ngành học này cũng có phần chênh lệch. Trong cuộc phỏng vấn nhỏ với các sinh viên năm 3 và năm 4 thuộc hai ngành nói trên, đa phần cho rằng ngành Quốc tế học có chương trình học thuật nặng và khó hơn nhiều (đặc biệt là mảng chính trị) còn ngành Đông phương học có phần “dễ thở” và thú vị hơn (đặc biệt là văn hóa phương Đông – vốn

đi rất gần gũi với sinh viên Việt Nam nói chung và sinh viên của Khoa QTH nói riêng).

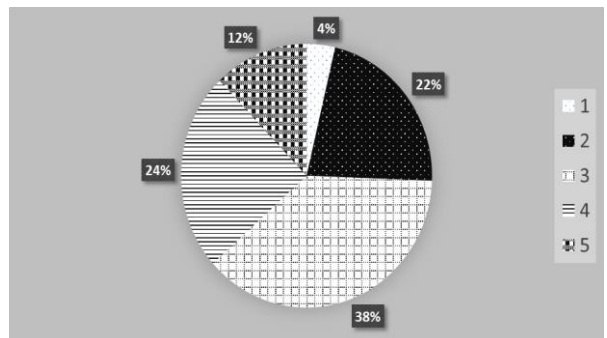
2.2.2. Ý định chuyển đổi ngành khác không thuộc Khoa QTH và lí do

Ngoài yếu tố gắn kết với ngành học, một yếu tố khác cần chú ý là phản ứng “đi hay ở” của sinh viên. Xem xét phản ứng “đi hay ở” tức là tìm hiểu về định hướng của sinh viên đối với việc tiếp tục chuyên ngành đang theo học. Việc đối chiếu hai yếu tố (mức độ gắn kết với ngành học và phản ứng “đi hay ở”) sẽ làm minh chứng cho giả định: Nếu như tỉ lệ sinh viên gắn kết ở mức độ yêu thích trở lên khá thấp trong khi tỉ lệ phần trăm quyết định vẫn tiếp tục học chuyên ngành khá cao thì chắc hẳn năng suất học tập của sinh viên khó đạt hiệu quả tốt nhất (thậm chí chỉ là đang học đối phó, hời hợt và thiếu trách nhiệm).

Qua khảo sát, chỉ có 6% trong tổng số sinh viên khảo sát có ý định chuyển đổi ngành học sang khoa khác và 15% vẫn còn đang phân vân. Gần 4/5 tổng số sinh viên tham gia khảo sát vẫn tiếp tục chuyên ngành học của mình hơn là lựa chọn một hướng đi khác. Đối chiếu với tỉ lệ sinh viên cảm thấy chỉ gắn bó với ngành học ở mức độ trung bình là 51%, thì đây lại thêm một dấu hiệu nữa ngầm báo về tình hình của sinh viên “zombie” nơi giảng đường.

2.2.3. Mức độ chuyên cần và tỉ lệ ngày học không hiệu quả của sinh viên

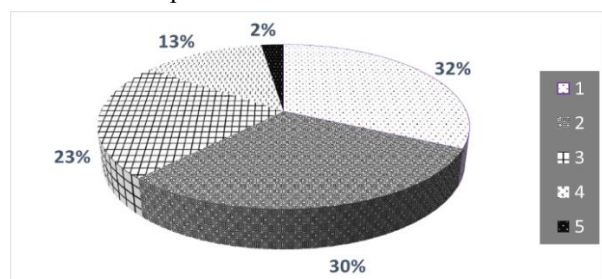
Đối với hội chứng “zombie học đường”, một câu hỏi được đặt ra là: “Mức độ chuyên cần của sinh viên sẽ như thế nào?”. Thông thường, khi một cá thể có ít hứng thú với ngành học thì việc hiếm khi tham gia vào buổi học là điều khá hiển nhiên. Tuy nhiên, đối với những người học “zombie”, thoát nhìn, có thể mức độ chuyên cần khá cao nhưng khi đối chiếu với số lượng ngày tiếp thu bài học hiệu quả thì lại ở mức trung bình – khá. Thực tế cũng cho thấy số lượng sinh viên đi học cũng chưa thật sự tự giác (Hình 1): số ngày vắng học của sinh viên dao động từ 2 – 4 ngày trong 1 tuần (84%). Bên cạnh đó, số lượng sinh viên đi học đầy đủ có dấu hiệu giảm dần theo thời gian (ở một số môn, đặc biệt là các môn chung); thậm chí, khi nào có tiết kiểm tra thì sĩ số mới đông đủ.



Hình 1. Số ngày vắng học của sinh viên trong 1 tuần

Một số bộ phận sinh viên đi học trễ giờ và có khi mặc dù đến lớp khá đầy đủ nhưng lại ở trong trạng thái “đề điểm danh” chứ không phải thực sự ý thức được đó là điều cần thiết cho bản thân trong quá trình tiếp thu kiến thức. Sự hao hụt kiến thức trong những buổi vắng học cộng hưởng với thói quen học tập chưa thật sự hiệu quả của phần lớn sinh viên khiến cho những bài học tiếp theo trở nên khó tiếp thu

hơn. Mặc dù, tỉ lệ số ngày vắng học tương đối ít, nhưng mức độ tiếp thu không hiệu quả thường dao động từ 1 – 3 ngày trong 1 tuần, chiếm tỷ lệ đến 85%. Vì thế, trong quá trình giảng dạy, đa phần các giảng viên trong Khoa đều thừa nhận rằng những sinh viên có ý thức chuyên cần kém thì hầu như kết quả hiếm khi ở mức cao.



Hình 2. Tỉ lệ ngày học không hiệu quả trong 1 tuần của sinh viên

2.2.4. Thống kê về học lực của sinh viên

Một câu hỏi khác lại được đặt ra ở đây là “Liệu sinh viên đã thực sự đang học đại học hay chưa?” Malcolm Cornwall từng viết: “Sau ít nhất 18 năm cuộc đời và 13 năm giáo dục bậc trung học, sinh viên nhìn chung không có khả năng chủ động quyết định những gì cần học và cách học như thế nào; vẫn mặc định nhiệm vụ đó là trách nhiệm của người giảng dạy” [2]. Một ví dụ cho sự thụ động của sinh viên đó là khi được đặt câu hỏi, thì hầu như các giảng viên đều đã từng được nghe qua câu trả lời “Em không biết” hoặc có khi là sự im lặng. Sinh viên thật sự không biết hay không chịu suy nghĩ cho câu trả lời hay sinh viên đang e ngại? Hoặc có không ít trường hợp, dù sau khi kết thúc bài giảng/ hoặc đang giảng một vấn đề hay ý nào đó, khi giảng viên hỏi lại các sinh viên đã hiểu được nội dung chưa thì hầu như rất ít sinh viên bày tỏ rằng mình chưa hiểu, thậm chí nhiều sinh viên cũng không hỏi dù bản thân chưa nắm được bài học. Khi thống kê học lực của số sinh viên tham gia khảo sát xuyên suốt qua các học kì, học lực chiếm tỉ lệ cao nhất là ở mức khá (59%). Ngoài ra, trong tổng số 21% khác, thì 1/5 là mức giỏi - xuất sắc, 2,5/5 là mức khá - giỏi và còn lại là mức khá và trung bình. Đối chiếu với mức độ chuyên cần phía trên, có thể thấy điều này tương ứng với mức độ chuyên cần chưa cao, mang tính chất nửa vời của sinh viên. Chưa kể trong số 21% khác này, có những sinh viên từng đạt loại giỏi nhưng vẫn ít khả năng duy trì phong độ học tập của mình. Vậy, đâu có thể có một số bộ phận sinh viên nỗ lực qua từng học kì, nhưng nhìn chung sinh viên dường như vẫn chưa thật sự hết mình trong vấn đề học tập cá nhân.

Tóm lại, thực trạng hội chứng “zombie học đường” ở sinh viên Khoa QTH, ĐHN - ĐHDN bộc lộ khá rõ qua sự mất tập trung, ý thức học tập và rèn luyện chưa cao, thiếu hiệu quả (nhất là sự tự giác và tính kỉ luật khá kém ở một số bộ phận sinh viên), lên giảng đường như những “xác sống vô hồn” với cách học “mì ăn liền” hay “nước rút” khi gần sát kiểm tra/ thi cử hoặc kiểu học “let đẹt cho qua môn” chứ không vì mục đích tích lũy kiến thức và trau dồi kĩ năng cho bản thân. Quan trọng hơn, sinh viên đã và đang “mặc định” và “giả định” giảng viên đóng vai trò chịu trách nhiệm trong các lớp học, thậm chí cho cả việc học của sinh viên. Mặc dù, sinh viên thường xuyên được khuyến khích để có động lực trong học tập, nhưng vẫn còn khá nhiều bộ phận sinh viên vẫn mặc nhiên là mình bị động còn người

dạy phải chủ động trong mọi việc. Thực tế trong quá trình khảo sát, hầu hết sinh viên đều có nhận thức khá rõ về sự thụ động của bản thân. Tuy nhiên, vì lối suy nghĩ quá ỷ lại vào giảng viên đã khiến sinh viên mãi ở trong trạng thái thụ động. Chính điều này không chỉ ảnh hưởng sức cạnh tranh nghề nghiệp tương lai của sinh viên mà còn ảnh hưởng đến cả môi trường dạy và học nơi giảng đường.

2.2.5. Biểu hiện

Nếu như một căn bệnh luôn có những triệu chứng thường gặp bên ngoài thì hội chứng “zombie học đường” cũng có những dấu hiệu khá phổ biến ở bộ phận sinh viên. Từ kết quả khảo sát, những dấu hiệu của hội chứng này được bộc lộ qua các khía cạnh sau:

- Những biểu hiện “nhìn thấy được”: Sự tương tác trong giờ học (nhiều/ít); Trạng thái tập trung (ngủ gật/ cực kì tập trung); Thái độ trong giờ học...
- Những biểu hiện “khó nhìn thấy được”: Cảm nhận của sinh viên về vấn đề dạy và học – rèn luyện và môi trường học tập (giảng viên, giáo trình, thi cử, các sinh viên khác, các hoạt động ngoài giờ lên lớp...).

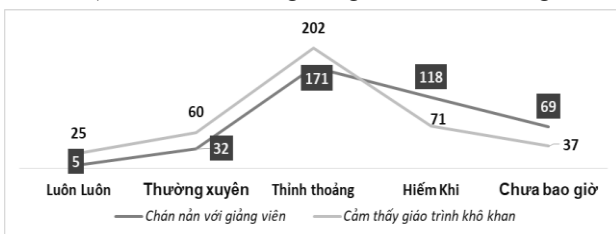
a. Biểu hiện nhìn thấy được của hội chứng “zombie học đường”

Dễ dàng rơi vào tình trạng “gật gù”, “mơ màng”, “buồn ngủ trên lớp” là điều khá phổ biến đối với những sinh viên đã – đang - sẽ mắc phải hội chứng “zombie học đường”. Có đến 311/395 sinh viên tham gia khảo sát đã khẳng định bản thân rơi vào tình trạng này từ mức độ thỉnh thoảng đến luôn luôn. Ngoài ra, người học zombie cũng một phần ý thức bản thân và các cá thể khác vẫn chưa “chủ động” trong học tập. Đa số sinh viên nhận xét rằng, việc có nhiều cá thể “thụ động” trong môi trường học tập sẽ dẫn đến hiệu ứng dây chuyền “thụ động”. Tức là những người học, dù ban đầu “chủ động” trên giảng đường nhưng rồi cũng dần chuyển sang “thụ động”, đồng thời, họ sẽ mất dần hứng thú đối và cảm thấy chán chường với bài vở trên lớp. Do vậy mà có đến 304/395 sinh viên trả lời cảm thấy môi trường học dần trở nên nhàm chán và vô vị. Vậy sự thụ động có đang diễn ra thường xuyên? Một ví dụ cụ thể cho việc cảm thấy môi trường học thụ động với các sinh viên khác là vấn đề làm bài tập nhóm. Một số sinh viên cho rằng, khi làm nhóm, nhiều cá nhân không biết làm gì và làm như thế nào trong khi một số khác lại phải làm hết tất cả công việc. Chính điều này dẫn đến tình trạng những sinh viên làm quá nhiều cảm thấy các bạn khác đang dựa dẫm, thụ động còn những sinh viên không làm gì lại cho thấy sự hời hợt và không muốn nỗ lực thay đổi. Từ hai khía cạnh đó, có thể nhận ra rằng, thực trạng “zombie học đường” đang diễn ra một cách khá phổ biến ở sinh viên của Khoa QTH, tạo nên sự ỉ ạch trong năng suất học tập và rèn luyện, kéo theo hệ lụy rằng không chỉ những sinh viên mang nhãn mác “xác sống giảng đường” mới gặp tình trạng này, mà có khi những “vi-rút zombie giảng đường” cũng đang lây sang những “cá thể khỏe mạnh, tràn trề năng lượng khác”.

Một dấu hiệu khác của hội chứng này đó là mức độ mệt mỏi của sinh viên đối với vấn đề thi cử và bài tập về nhà (71% ở mức độ thỉnh thoảng trở lên). Sự mệt mỏi lâu ngày sẽ dẫn tới tinh thần học tập trở nên kiệt quệ, sự hăng say và hứng thú cũng giảm dần. Những sinh viên gặp phải tình trạng

này dần trở nên chán nản hơn. Họ đi học nhưng có những buổi vắng hoặc dù đi học đầy đủ nhưng chất lượng tiếp thu bài học không bao nhiêu. Sự mệt mỏi này thường xảy ra khi sinh viên phải học trong tình trạng “nước rút”. Tức là thay vì tích lũy kiến thức theo kiểu “mưa dầm thấm lâu” thì sinh viên lại để đến gần ngày thi/ hoặc gần ngày nộp bài tập thì mới bắt đầu ôn bài hoặc hoàn thành. Dần dần, sinh viên tự khiến bản thân mình rơi vào tình trạng căng thẳng, mệt mỏi và dẫn tới kết quả học tập ỉ ạch, ít có sự tiến bộ.

Có thể nói chán nản là trạng thái phổ biến ở sinh viên khi mắc phải hội chứng này. Sự chán nản làm người học mất động lực phấn đấu bởi những cảm xúc tiêu cực, khiến khả năng tập trung trở nên kém dần. Vậy sinh viên đang cảm thấy chán nản về điều gì? Kết quả khảo sát cho thấy, đa phần sinh viên đánh giá cao chất lượng giảng viên và cũng khá tốt đối với giáo trình học (Hình 3). Tuy nhiên, nhiều học phần khá khó, nhất là đối với các môn chuyên ngành Quốc tế học; nếu như sinh viên không tự xây dựng phương pháp học tập hiệu quả cho cá nhân mình (nhất là đối với việc đọc và tiếp thu kiến thức từ các tài liệu, giáo trình học) thì sẽ mãi ở trong trạng thái chán chường.



Hình 3. Mức độ hài lòng của sinh viên về giáo trình và giảng viên

Ngay cả trong các hoạt động ngoại khóa/ CLB, cũng chỉ có ¼ sinh viên tham gia với tinh thần tích cực nhất. Còn lại đa phần chỉ thỉnh thoảng tham gia, thậm chí nhiều trường hợp chưa bao giờ tham gia sinh viên hay chỉ tham gia khi có sự chỉ thị. Vậy sự chán nản và tâm trạng ít hứng thú thường gặp của sinh viên dường như bắt nguồn từ chính mỗi cá nhân. Điều đáng nói ở đây là rất ít sinh viên biết cách làm thế nào để tạo ra sự hứng thú trong môi trường đại học mặc dù cảm thấy việc học đại học có ý nghĩa.

b. Biểu hiện không nhìn thấy được của hội chứng “zombie học đường”

Đa phần sinh viên hiện nay vẫn chưa tự thấy được vai trò mình ở đâu trong quá trình học, chiếm lĩnh tri thức và vẫn còn đang rất thụ động nếu như không có sự tác động các yếu tố khác. Khi khảo sát về tần suất tự nghiên cứu/ tự tìm kiếm thêm tài liệu cho môn học thì kết quả cho thấy, chỉ có 35% sinh viên thường xuyên làm việc này còn lại 50% ở mức độ thỉnh thoảng, 14% hiếm khi và thậm chí có 1% là chưa bao giờ. Nói cách khác, khi có những bài tập về nhà (làm nhóm, làm tiểu luận, ...) hoặc gần các kì thi thì đa phần các sinh viên mới tự giác tìm các nguồn tài liệu bổ trợ cho ngành học. Có thể thấy, ngay cả việc chủ động trong học tập vẫn là điều còn khá mới mẻ đối với sinh viên. Bên cạnh đó, thái độ học tập trên lớp và ngoài giờ lên lớp là hai điểm khác đáng lưu ý. Mức độ thường xuyên chủ động nghe giảng, ghi chú và hoàn thành bài tập đúng hạn chiếm tỷ lệ cao là một tín hiệu tốt. Tuy nhiên, khi được hỏi về tần suất trao đổi học tập với giảng viên/ sinh viên khác thì phần đông các sinh viên chỉ dừng ở mức thỉnh thoảng.

Khi phỏng vấn các giảng viên trong và ngoài Khoa QTH, đa phần các giảng viên đều có chung nhận định rằng một số bộ phận sinh viên hay ở trạng thái mất tập trung trong các giờ học (làm việc riêng, ngủ gật, giả vờ nghe giảng, ...). Đối với những môn đại cương, tình trạng đi học trễ, vắng học và hàng loạt những biểu hiện thờ ơ, chán nản diễn ra với tần suất cao hơn so với những môn học chuyên ngành. Ngoài ra, sự chủ động học tập của sinh viên là rất hạn chế, hầu như sinh viên vẫn chưa thật sự làm chủ trong vấn đề học tập của bản thân. Sự tương tác giữa người dạy – người học cũng chưa thật sự hiệu quả. Trong khi một bộ phận sinh viên tích cực trao đổi, thảo luận và xây dựng bài trong các tiết học thì một số khác ở trong trạng thái “không-quan-tâm”. Một vấn đề khác trong vấn đề bài tập đó là mặc dù nộp bài đúng hạn nhưng nhiều bài làm của sinh viên lại không đạt chất lượng cao về mặt nội dung và cũng ít có sự đầu tư, chín chu về hình thức so với thời gian được giao cho. Thậm chí có nhiều bài còn có tình trạng sao chép, copypaste từ các nguồn trên mạng internet. Điều này cho thấy, dù sinh viên có nghe giảng nhưng chưa hẳn đã tiếp thu bài học, có ghi chép nhưng không hẳn đã có đọc lại, ôn lại nội dung bài học; hoàn thành bài tập đúng hạn nhưng không có nghĩa sinh viên thực chất đầu tư và tự làm.

Có thể nhận thấy, sinh viên không chỉ thiếu sự tự chủ động, phụ thuộc quá nhiều vào giảng viên, hời hợt và thiếu trách nhiệm trong học tập mà sinh viên còn bộc lộ những khía cạnh khác như sau:

- Không biết cách học và rèn luyện như thế nào là tốt nhất đối với bản thân;
- Không đặt mục tiêu học tập (mà hầu như chỉ thật sự làm/ học khi có sự thúc đẩy của các yếu tố bên ngoài: Đến hạn nộp bài, điểm số, ...);
- Chưa nhận thức được điểm mạnh – yếu bản thân trong quá trình học tập, do đó, cứ giữ nguyên kiểu học “an nhàn”, học “cho qua môn” không thể đưa ra những quyết định trong học tập bản thân mình.

Tóm lại, so với những “xác sống”, tình trạng trên của sinh viên chẳng khác gì những phiên bản “zombie” trong đời thực. Nếu xác sống ngoài đời như những cái xác vật vờ không não, không cảm xúc thì những sinh viên cũng đang “sống lay lắt” không có mục đích, không tìm thấy sự yêu thích, mãi thờ ơ lãnh đạm với môi trường giảng đường và không chủ động trong việc chiếm lĩnh tri thức của bản thân.

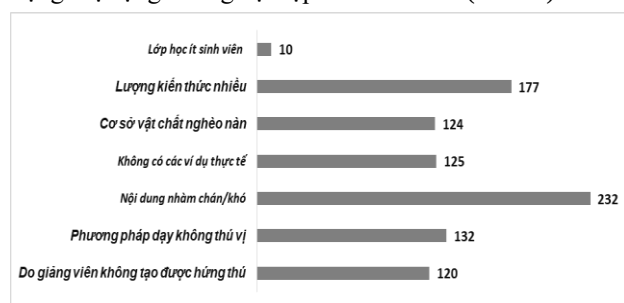
2.2.6. Nguyên nhân

Vậy tại sao lại có hiện tượng thiếu gắn kết với việc học với những biểu hiện trên của sinh viên? Có hai nguyên nhân có thể rút ra ở đây đó là nguyên nhân khách quan (liên quan đến môi trường học tập) và nguyên nhân chủ quan (do cá nhân sinh viên).

a. Nguyên nhân khách quan

Nguyên nhân khách quan lớn nhất dẫn đến tình trạng thiếu gắn kết trong học tập của sinh viên là nội dung học khá khó đối với sinh viên. Ngoài ra, lượng kiến thức nhiều có thể gây ra tình trạng quá tải trong vấn đề thu nạp kiến thức, thậm chí gây ức chế tâm lí người học. Hơn nữa, giảng viên cũng là yếu tố nhỏ dẫn đến tình trạng trên. Một số phương pháp giảng dạy chưa thật sự hiệu quả nên không tiếp cận được nhu cầu và mong muốn của người học, chưa khơi dậy được sự

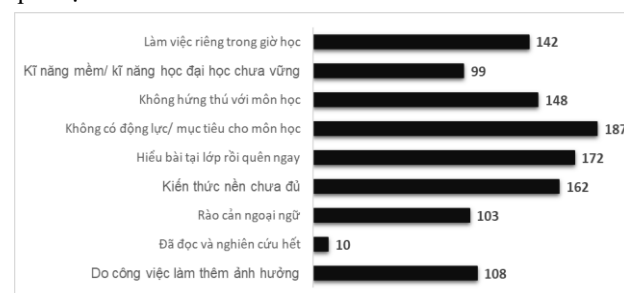
hào hứng với môn học. Do đó, điều này có thể dẫn tới tình trạng “bị động” trong học tập của sinh viên (Hình 4).



Hình 4. Nguyên nhân khách quan

b. Nguyên nhân chủ quan

Đa phần các sinh viên không có mục tiêu, động lực cho môn học sẽ rơi vào những biểu hiện: Chán nản, không tiếp thu bài hiệu quả, ... Nếu không đặt ra mục tiêu phân đầu trong học tập thì hẳn nhiên sinh viên sẽ không thể có động lực để phấn đấu trong quá trình học. Ngoài ra, thực trạng lãng quên kiến thức nhanh chóng cũng thường xuyên xảy ra. Gần 48% sinh viên cho rằng, mình đều nắm được nội dung và hiểu được bài học ngay tại trên lớp. Tuy nhiên, sau khi kết thúc, thì hầu như lượng kiến thức còn đọng lại là rất ít. Hơn nữa, kiến thức nền tảng chưa vững là nguyên do cản trở khả năng tiếp thu bài học. Đối với những môn học liên quan đến chuyên ngành do giáo viên nước ngoài giảng dạy (chủ yếu đối với lớp chất lượng cao), thì ngoại ngữ lại là rào cản (do nội dung chuyên ngành hoặc từ ngữ học thuật rất khó để ghi nhớ và tiếp thu). Thêm vào đó, đa phần các sinh viên không đọc bài trước ở nhà, không tìm hiểu nội dung liên quan đến môn học trước thì rất khó để hiểu được bài học. Sự không hứng thú cũng khiến cho sinh viên cảm thấy “không gắn kết” với môn học/ ngành học. Vấn đề làm việc riêng trong giờ học khá phổ biến và thường gây ra sự xao nhãng, mất tập trung đối với sinh viên. Lượng kiến thức hao hụt trong quá trình làm việc riêng có thể chiếm hơn 50% - 60% nội dung bài học. Do đó, rất nhiều sinh viên đã không chú ý ghi chép và nghe giảng dẫn tới tình trạng học “nửa vơi”, “học tàng tàng”. Hơn nữa, tình trạng một số sinh viên đi làm thêm quá nhiều. Điều này dẫn tới thể trạng mệt mỏi khi đến lớp, ảnh hưởng tới sức khỏe cá nhân trong quá trình học tập. Một số sinh viên chưa biết cách cân bằng quỹ thời gian học tập và đi làm. Do đó, kết quả học có thể dẫn sa sút.



Hình 5. Nguyên nhân chủ quan

2.2.7. Giải pháp

a. Hình thức học tập trên lớp

Trong quá trình tiếp thu và lĩnh hội kiến thức, có 3 kỹ năng rất quan trọng đối với người học là: Quan sát – Lắng

nghe – Ghi chép. Tức là người học phải phối hợp 2 giác quan (thị giác và thính giác) kết hợp với khả năng nhận thức vấn đề, chất lọc thông tin để ghi chú và nắm bắt bài học. Tuy nhiên, trong các giờ học trong thực tế, khả năng quan sát và lắng nghe của người học có thể bị xao nhãng, người học rơi vào trạng thái lơ đãng hoặc có khi không hứng thú với việc ghi chép (một phần bị quá tải kiến thức, không biết hệ thống và nhiều nhất là do làm việc riêng). Vậy làm sao để khắc phục tình trạng trên? Khảo sát cho thấy, những lớp học có các video liên quan tới bài học, hình ảnh minh họa nhiều khiến sinh viên trở nên hứng thú hơn. Các sinh viên cho rằng, có những video vừa tóm gọn những kiến thức được học và mở rộng, vừa có những hình ảnh minh họa và các ví dụ dễ hiểu hơn so với việc học lý thuyết đơn thuần. Hình thức học với video mang tính giải trí và khiến người học cảm thấy thoải mái hơn.

Ngoài ra, việc giảng viên có những liên hệ thực tiễn trong giảng dạy như cho những ví dụ thực tế trong đời sống hoặc những hình thức minh họa khác từ các khía cạnh (văn hóa, lịch sử, ...) sẽ khiến việc tiếp thu bài học trở nên dễ dàng hơn. Cuối cùng, những buổi thảo luận, tranh biện hay thuyết trình vừa làm tăng sự hứng thú của sinh viên, vừa tạo cơ hội cho sinh viên rèn luyện các kỹ năng mềm (kỹ năng làm việc nhóm, phân biện, ...)

b. Hình thức đánh giá

Theo kết quả khảo sát, trong các hình thức đánh giá thì làm tiểu luận nhóm – phù hợp với thi giữa kì - được đánh giá cao (189/395 sinh viên). Khi làm các bài tập nhóm, sinh viên có quyền tự do lựa chọn các thành viên, công việc cũng được chia nhỏ và áp lực học tập cũng nhẹ hơn. Đặc biệt, sinh viên chủ động trong việc làm chủ kiến thức, tìm kiếm thêm tư liệu và hệ thống nội dung. Đây là hình thức đòi hỏi kỹ năng nghiên cứu, kỹ năng hệ thống thông tin, kỹ năng làm việc nhóm của các thành viên. Bên cạnh đó, hình thức thuyết trình được 182/395 sinh viên chọn. Một mặt, sinh viên cảm thấy mình làm chủ kiến thức. Mặt khác, có những bài thuyết trình rất ấn tượng về nội dung, hình thức, sự truyền đạt, ... trong quá trình tiếp thu kiến thức. Hình thức cho thi dạng đề mở (cho sử dụng tài liệu) cũng được đánh giá cao (175/395). Hầu như, những người học cho rằng dạng này “dễ thở” và không gò bó việc học thuộc lòng mà phụ thuộc vào cách hiểu và nhìn nhận của người học. Một hình thức thi khác mà sinh viên mong muốn là kết hợp tự luận và trắc nghiệm. Đối với dạng đề này, sinh viên cho rằng mức độ dễ - khó được phân tầng khác nhau. Người đọc nắm và hiểu bài dù không học thuộc lòng theo lối “học vẹt”; “học mì ăn liền” thì cũng có thể đạt ngưỡng trung bình trở lên. Cuối cùng, thi vấn đáp là một trong những hình thức thi chiếm được khá nhiều cảm tình của sinh viên (145/395).

c. Hoạt động ngoài giờ lên lớp

Phần đông sinh viên đều mong muốn trải nghiệm các buổi workshop, các hoạt động ngoài giờ (team-building, hoạt động ngoài trời hay đi thực tế...) liên quan đến trải nghiệm về văn hóa, lịch sử, ... Một số sinh viên có kiến nghị rằng, nên xây dựng những mô hình vui chơi nhưng vẫn lồng ghép bài học liên quan đến chuyên ngành. Có đến hơn 50% sinh viên mong muốn có thêm câu lạc bộ thiên về áp dụng nội dung học tập vào thực tế thông qua các hoạt động ngoài trời, các trò chơi bên cạnh câu lạc bộ nghiên

cứu học thuật. Nhiều sinh viên cũng mong muốn trải nghiệm về văn hóa, lịch sử bên cạnh các vấn đề chính trị, kinh tế

d. Vai trò giảng viên

- Về tài liệu học tập

Bên cạnh việc cung cấp danh mục tài liệu hoặc cuốn sách, sinh viên cũng mong muốn nhận thêm các tài liệu học tập dưới các dạng hình thức khác nhau (ví dụ: video, phim tài liệu, ...)

- Về nội dung học tập

Các bài học thuật thường khô khan đối với người học. Hầu như các sinh viên cho rằng, khi giảng viên lấy các ví dụ thực tế, các ví dụ minh họa sẽ khiến bài học trở nên dễ hiểu hơn. Thông qua các hình thức minh họa hay ví dụ, người học thấm thấu nội dung và hiểu sâu vấn đề hơn là học lý thuyết đơn thuần

- Hoạt động giảng dạy

Môi trường học tập trên lớp sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến người học. Để tạo ra được môi trường học tập tích cực thì giảng viên cần có cách truyền đạt dễ hiểu, phương pháp giảng dạy tạo được sự hứng thú, tổ chức các hoạt động trên lớp hiệu quả và có sự đổi mới trong các hình thức dạy – thì khiến sinh viên trở nên năng động và cảm thấy hứng thú với môn học nhiều hơn.

3. Kết luận

Có thể nói thông qua bài nghiên cứu, tác giả muốn hướng đến sự nhận thức của sinh viên về vai trò của bản thân trong môi trường đại học. Sinh viên không nên và không thể để bản thân mình biến thành những “xác sống” mà ít nhất cần phải có mục tiêu và có ý thức tự giác hơn, chủ động hơn trong việc học trên lớp lẫn ngoài lớp. Ngoài

ra, bài nghiên cứu cũng một phần hướng đến việc cải thiện vai trò của giảng viên trong giảng đường. Giảng viên không phải là người chịu hết toàn bộ trách nhiệm trong lớp học hay cho việc học tập của cá nhân sinh viên. Tuy nhiên cách giảng dạy của giảng viên cần hướng đến sự tự làm chủ của sinh viên trong các giờ học và khuyến khích sự tự học của sinh viên ngoài giờ học. Từ sự phụ thuộc đến khơi dậy sự hứng thú và lôi kéo sự tham gia của sinh viên vào các bài học/ giờ học, cuối cùng là “trao quyền” cho sinh viên làm chủ kiến thức họ có.

Những giải pháp trên được đề xuất dựa trên những nhu cầu thực tiễn và những khó khăn của sinh viên đang theo học. Do đó, có thể nói các giải pháp trên sẽ một phần làm hạn chế và đẩy lùi sự lây lan của hội chứng “zombie học đường” ở sinh viên và dần dần xóa bỏ hẳn hội chứng này. Nghiên cứu này cũng sẽ là nền tảng cho việc áp dụng phương pháp học tập tự chủ (autonomous Learning) trong môi trường giảng đường, từ đó nâng cao được nhận thức và ý thức của sinh viên đối với vấn đề học tập. Đó cũng là mục tiêu quan trọng nhất mà bài nghiên cứu muốn hướng tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Andrew Whelan, Ruth Walker, Christopher Moore (2013). *Zombie in the Academy*, Intellect Ltd.
- [2] Victoria Carrington, Jennifer Rowsell, Esther Priyadharshini, Rebecca Westrup (2016). *Generation Z: Zombie, Popular Culture and Educating Youth*, Springer.
- [3] Barry Sampson (2011). How To Bring Zombie-Like Learners Back To Life, <https://www.digits.co.uk/blog/2013/october/how-to-bring-zombie-like-learners-back-to-life/> (truy cập ngày 25/04/2019).
- [4] Hashil Mohammed Al-Saadi (2011). From Spoon Feeding to Self-Feeding: Helping Learners Take Control of Their Own Learning, *Arab World English Journal*, AWEJ Vol.2 No.3, pp 95-114. <https://www.awej.org/index.php/awej-volume-2-no-1-january-2011/13-awej-volume-2-no-3-august-2011/56-hashil-mohammed-al-saadi>

(BBT nhận bài: 22/7/2019, hoàn tất thủ tục phản biện: 14/4/2020)